

Đăng Thế Anh

NÉT ĐẸP VĂN HÓA XỨ LẠNG



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TỈNH LẠNG SƠN

DẠNG THỂ ANH

**NÉT ĐẸP
VĂN HÓA
XỨ LẠNG**

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TỈNH LẠNG SƠN
HÀ NỘI - 2012**

LỜI GIỚI THIỆU

Khi được tác giả nhờ viết lời giới thiệu cho cuốn sách này tôi có phần cảm thấy bất ngờ. Nói “có phần” bởi vì nhiều lẽ.

Lẽ thứ nhất, dường như là “hệ quả tất yếu” của một cơ duyên mà tôi có dịp được làm việc, trải qua một thời gian trên dưới bốn - năm năm gì đó với tác giả. Đó là cái cơ duyên do nghề dạy học đem lại cho tôi. Chúng tôi bắt đầu biết đến nhau là từ việc tác giả bắt tay vào tìm hiểu “côi tục và côi thiêng” mà như anh đã viết ở cuốn sách này, nó là “một lối” đưa anh (và cả tôi nữa) thâm nhập vào “côi” của Then Tày.

Lẽ bất ngờ thứ hai nằm ở bốn bài viết còn lại góp phần làm nên độ dày của cuốn sách này. Anh viết ra những suy nghĩ, những trăn trở của mình về hát sli; về những thân phận nữ nhi phải “giả giới tính” để ít nhiều được thỏa mãn khát vọng của mình; về thân phận kẻ mồ côi trong truyền cổ Xứ Lạng - nơi anh sinh ra và lớn lên và cả về hệ thống văn bia động Nhị Thanh nữa.

Xét về đề tài, thì năm bài viết ở đây có vẻ “tản mạn”

thật như tiêu đề mà tác giả tự đặt cho bài viết số ba. Nhưng, suốt mấy năm cùng làm việc, cùng trao đổi, bàn bạc, cân nhắc, đắn đo, trăn trở với tác giả về những vấn đề do anh đặt ra, thậm chí về từng chi tiết nhỏ nhất của những vấn đề ấy, chẳng hạn như: nên hiệu hiện tượng này, từ ngữ kia như thế nào cho gần nhất với cái đúng?... Tôi hiểu một cách sâu sắc rằng chúng không hề tan rã. Giữa chúng vẫn có một mạch liên gắn kết với nhau. Cái mạch liên ấy, khi gắn kết lại sẽ giúp ta thấy được chân dung một con người: nghiêm túc, có niềm say mê và khát vọng tiến xa trên con đường nghiên cứu khoa học. Đó là người học trò của tôi - tác giả của cuốn sách này. Nói cho đầy đủ thì vẫn còn những điều có thể mở rộng thêm. Nhưng đó là chuyện của sau này và cũng là lý do để người đọc (trong đó có tôi) được gieo một niềm tin nơi tác giả.

Còn lúc này đây, tôi chỉ muốn được hưởng niềm vui, nỗi sung sướng được cùng các bạn đọc mở cuốn sách ra, đọc nó như thể ngắm nhìn một lối đi, một con đường dẫn ta đến với một miền đất địa đầu Tổ quốc tương chừng đã quá quen thuộc từ lâu, mà hóa ra còn biết bao điều kỳ thú, đặc sắc đang đợi chờ...

Hà Nội, tháng 12 năm 2011

PGS.TS Lê Trường Phát

LỜI NÓI ĐẦU

Tập sách "Nét đẹp văn hóa Xứ Lạng" gồm các bài viết về các hiện tượng văn hóa đặc sắc ở vùng đất biên ải Lạng Sơn. Đó là những câu hát giao duyên (sli Nùng) nghĩa tình, đậm thắm; những câu truyện sâu sắc, thần kì (truyện cổ và truyện thơ); những nghi lễ thiêng liêng, cuốn hút (Then Hắt khoăn) và cả những giá trị văn vật mãi tồn tại với thời gian (hệ thống văn bia động Nhi Thanh)... Tập hợp bài viết trong cuốn sách này xem như một phần kết quả những năm tôi ngồi trên ghế giảng đường Khoa Ngữ văn - Đại học Sư phạm Hà Nội... Đồng thời, cũng là lời tri ân của tôi đối với các thầy - cô, các nghệ nhân và cán bộ văn hóa địa phương.

Nhân dịp tập sách được hoàn thành, tôi xin chân thành cảm ơn Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Lạng Sơn, Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc đã tạo điều kiện để cuốn sách sớm đến tay bạn đọc.

Mặc dù đã cố gắng, nhưng cuốn sách khó tránh khỏi những thiếu sót, tác giả rất mong nhận được ý kiến chỉ bảo kịp thời của bạn đọc gần xa.

Hà Nội, mùa thu 2012

RỄ Ở LÒNG NGƯỜI, HOA NƠI TỪ NGỮ

Người Nùng là một trong những tộc người thiểu số ở nước ta, họ vào Việt Nam cách đây khoảng hơn hai thế kỷ, sinh sống ở vùng thung lũng, sườn đồi thuộc các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn,... Văn hóa cổ truyền của người Nùng khá phong phú và đặc sắc. Trong đó có hát sli - một loại dân ca giao duyên nam nữ giống với hát quan họ Bắc Ninh của người Việt.

Nếu hoa hồi là một “đặc sản” hữu thể - thứ đặc sản đã trở thành biểu tượng của miền sơn cước Xứ Lạng thì hát sli lại là một “món ngon” vô thể kết tinh trong nó bản sắc dân tộc Nùng. Bản sắc ấy đã làm nên người Nùng, văn hóa Nùng Lạng Sơn. Vì thế, tục ngữ Nùng mới có câu “*Đêm ốm dài, đêm sli ngắn*”...

Sli: 𑜋𑜂𑜆𑜇 gồm chữ 𑜋𑜂𑜆𑜇 ngôn = lời nói, 𑜇𑜂𑜆𑜇 tự = ngôi chùa,

ghép lại: lời nói của nhà vua xưa viết ra thành thơ. Âm Hán - Việt đọc là thi. Tiếng Nùng đọc thành sli⁽¹⁾.

Sli có nghĩa là “thơ”. Người Nùng thường dùng từ “sli” để chỉ toàn bộ dân ca⁽²⁾ mang tính trữ tình của họ. Sli là loại hình hát giao duyên rất phổ biến của nam nữ thanh niên đồng bào Nùng. Những chàng trai, cô gái được tự do bộc lộ một cách nồng nhiệt, chân thành tình cảm của mình. Những lời hát giao duyên vừa kín đáo - tế nhị, vừa thẳng thắn - nồng nàn được phô diễn hết sức tự nhiên. Sli mang chở nhiều ý nghĩa về cuộc sống, đặc biệt là về tình yêu đôi lứa qua hệ thống ngôn từ phong phú, mộc mạc, giản dị và qua những hình ảnh quen thuộc trong đời sống hàng ngày.

Sli thường là những bài văn vắn, mỗi câu có từ năm đến bảy chữ và không hạn chế số câu trong một bài (có bài chỉ có bốn đến tám câu, nhưng cũng có bài lên tới vài trăm câu). Sli của người Nùng khác lược của người

⁽¹⁾ Hoàng Thị Thương, *Đặc điểm dân ca Nùng*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội, 2000.

⁽²⁾ Hiểu một cách đơn giản ca dao thường là “lời của bài hát dân gian - tức dân ca”. Về mặt lý thuyết chúng ta rất cần phân biệt và xây dựng khái niệm ca dao - dân ca thật cụ thể, chính xác. Nhưng trong thực tiễn không thể tuyệt đối hoặc phủ nhận thuật ngữ nào bởi nó là hai phương diện khác nhau của một đối tượng này.